HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26 /2023/NQ-HĐND	*An Giang, ngày 07 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Quy định nội dung, định mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 17

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 1127/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, định mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất quy định nội dung, định mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, định mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

Các nội dung chi từ nguồn kinh phí đối ứng của tỉnh An Giang để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ được thực hiện theo định mức chi tương ứng tại Nghị quyết này.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ; cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Định mức làm căn cứ xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Định mức chi thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh là 36 triệu đồng/người/tháng và đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở là 18 triệu đồng/người/tháng.

Hệ số lao động khoa học của các chức danh và dự toán chi thù lao các chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): Dự toán chi tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất trên địa bàn tỉnh do Nhà nước quy

định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày).

2. Dự toán thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

a) Thuê chuyên gia trong nước: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

3. Định mức xây dựng dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	**Định mức chi** *(Đơn vị tính: 1.000 đồng)*	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	**Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở**
1	Người chủ trì hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Buổi	1.800	900
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Buổi	450	200
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	2.700	1.350
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.350	650
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Thành viên/ buổi	250	100

4. Dự toán chi họp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với định mức chi không quá 50% mức chi Hội đồng tư vấn, đánh giá nghiệm thu

nhiệm vụ khoa học và công nghệ tương ứng được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

5. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì.

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 4,5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng không quá 270.000.000 đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và không quá 135.000.000 đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Điều 3. Một số nội dung, định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Mức chi thù lao

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi (*Đơn vị tính: 1.000 đồng*)	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	**Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở**
1	**Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ**			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.350	650
	Phó Chủ tịch; thành viên Hội đồng		900	450
	Thư ký khoa học		300	150
	Thư ký hành chính		250	150
	Đại biểu được mời tham dự		150	90
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu		

	Nhận xét đánh giá của ủy viên		450	200
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện		650	300
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch Hội đồng		600	300
	Phó Chủ tịch; thành viên Hội đồng		450	200
2	**Chi tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ**			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.600	800
	Phó Chủ tịch; thành viên Hội đồng		1.350	600
	Thư ký khoa học		300	150
	Thư ký hành chính		250	150
	Đại biểu được mời tham dự		150	90
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên		600	300
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện		900	450
3	**Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ**			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch Hội đồng		1.600	800
	Phó Chủ tịch; thành viên Hội đồng		1.350	700
	Thư ký khoa học		300	150
	Thư ký hành chính		250	150
	Đại biểu được mời tham dự		150	90
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên		650	300
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện		1.000	450

4	**Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ hoạt động của Hội đồng**	Chuyên gia	1.350	650
5	**Chi đề xuất ý tưởng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được duyệt**	01 ý tưởng	2.000	-
6	**Chi thù lao phục vụ cho Hội đồng**	Hội đồng	50	50

b) Dự toán chi hoạt động các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh quy định tại điểm a khoản này.

2. Định mức chi hoạt động của Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và tổ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu để mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên liệu và dịch vụ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có)

TT	**Nội dung**	**Đơn vị tính**	**Định mức chi** (*Đơn vị tính: 1.000 đồng*)	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	**Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở**
1	Tổ trưởng Tổ thẩm định	Nhiệm vụ	900	450
2	Thành viên Tổ thẩm định	Nhiệm vụ	650	300
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300	150
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	200	90
5	Chi thù lao phục vụ cho tổ thẩm định	Buổi	50	50

3. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập. Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính không quá 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền họp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên

phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

a) Dự toán chi tiền công Hội đồng tư vấn, đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trường hợp cần thiết có Hội đồng tư vấn, đánh giá) được áp dụng bằng 50% định mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Dự toán chi hoạt động điều tra, thống kê đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh An Giang.

5. Định mức chi kiểm định/khảo nghiệm/kiểm nghiệm các sản phẩm khoa học và công nghệ là: mẫu; vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi và các sản phẩm khác được thực hiện theo Hợp đồng ký kết giữa cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện theo quy định của pháp luật.

6. Đối với các Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh có thành lập các Ban Chủ nhiệm chương trình theo Quyết định của tỉnh: Định mức chi các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm áp dụng theo định mức chi của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

7. Hỗ trợ công tác phí cho các thành viên Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, chuyên gia tư vấn độc lập (làm việc ngoài tỉnh) được áp dụng theo mức chi chế độ công tác phí tại Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi Hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách tỉnh.

2. Kinh phí của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đối ứng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Quy định chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa X Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 12 năm 2023.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế các bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ;
- Website Chính phủ;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại tỉnh An Giang;
- Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm Công báo - Tin học;
- Cổng thông tin điện tử Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND-Huy

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Lê Văn Nưng